

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Địa chỉ: Tầng 6&7 nhà D9, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-04) 3 554 0606 Fax: (84-04) 3 554 0615

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**QUÝ IV NĂM 2009****I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	NỘI DUNG	SỐ ĐẦU KỲ	SỐ CUỐI KỲ
I.	Tài sản ngắn hạn	912,699,165,603	962,858,368,599
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	19,064,259,836	13,344,085,839
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	147,600,000,000	147,600,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	210,058,006,188	211,141,254,746
4	Hàng tồn kho	472,629,771,113	544,001,301,862
5	Tài sản ngắn hạn khác	63,347,128,466	46,771,726,152
II	Tài sản dài hạn	149,974,008,206	210,046,909,829
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	135,619,010,048	195,804,521,600
	- Tài sản cố định hữu hình	49,646,801,951	52,653,466,445
	- Tài sản cố định vô hình	795,824,547	789,662,684
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85,176,383,550	142,361,392,471
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13,400,000,000	13,332,797,286
5	Tài sản dài hạn khác	954,998,158	909,590,943
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,062,673,173,809	1,172,905,278,428
IV	Nợ phải trả	924,001,438,669	1,027,736,638,746
1	Nợ ngắn hạn	879,607,373,661	965,602,374,238
2	Nợ dài hạn	44,394,065,008	62,134,264,508
V	Vốn chủ sở hữu	138,671,735,140	145,168,639,682
1	Vốn chủ sở hữu	138,559,161,796	144,157,144,214
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	34,850,000,000	34,850,000,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	6,497,026,334	9,101,447,009
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17,212,135,462	20,205,697,205
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	112,573,344	1,011,495,468
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	112,573,344	1,011,495,468
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,062,673,173,809	1,172,905,278,428

II.A.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	QUÝ 4/2009	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	224,502,485,940	659,422,920,388
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	224,502,485,940	659,422,920,388
4	Giá vốn hàng bán	209,496,887,374	616,421,865,908
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,005,598,566	43,001,054,480
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,217,322,040	11,259,485,732
7	Chi phí tài chính	3,325,618,215	8,904,459,442
8	Chi phí bán hàng	-	62,421,000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,127,009,274	19,546,271,998
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5,770,293,117	25,747,387,772
11	Thu nhập khác	428,271,797	1,403,652,482
12	Chi phí khác	197,948,716	432,415,012
13	Lợi nhuận khác	230,323,081	971,237,470
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,000,616,198	26,718,625,242
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,103,571,851	5,458,776,396
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,897,044,347	21,259,848,846
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2,657
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		1.600 đồng/1cổ phiếu

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	SỐ ĐẦU KỲ	SỐ CUỐI KỲ
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14.11%	17.91%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85.89%	82.09%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	86.95%	87.62%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	13.05%	12.38%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,19	0,17
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,15	1,14
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.37%	1.81%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.74%	3.22%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2.81%	14.64%

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2010

GIÁM ĐỐC CÔNG TY